

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên dự toán: Mua sắm vật tư, nguyên vật liệu sản xuất 3.000.000 Phôi chứng nhận đăng ký xe năm 2026, lần 1;
- Tên gói thầu: Mua sắm hóa chất;
- Nguồn vốn: Từ nguồn vốn của Trung tâm kỹ thuật tài liệu nghiệp vụ;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 45 ngày;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 410 ngày;
- Địa điểm thực hiện: Trung tâm Kỹ thuật tài liệu nghiệp vụ, địa chỉ: số 145 đường Chiến Thắng, Thanh Liệt, Hà Nội.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a. Yêu cầu chung:

- Chất lượng: Hàng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau, còn nguyên tem, mác, niêm phong theo quy định của nhà sản xuất.
- Bản cam kết chất lượng và xuất xứ của hàng hoá khi giao hàng;
- Quy cách đóng gói: Đóng gói theo quy định của nhà sản xuất.

b. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

- Thông số kỹ thuật của hàng hóa phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

Stt	Danh mục	Thông số kỹ thuật
1	8- Hydroquinoline	- CAS: 148-24-3 - Công thức hóa học: C_9H_7NO - Khối lượng phân tử: 145,16 g/mol - Độ tinh khiết: $\geq 99\%$ - Khối lượng riêng (20°C): 1,034 g/cm³ - Điểm nóng chảy: 72,5 – 74,0°C
2	Cồn tuyệt đối	- Công thức hóa học: C_2H_6O - Khối lượng phân tử: 46,07 g/mol

		- Độ tinh khiết: $\geq 99,5\%$ - Khối lượng riêng (ở 20°C): $0,79 \text{ g/cm}^3$ - Tỷ trọng: (20°C): $1,034 \text{ g/cm}^3$; - Nhiệt độ sôi (ở 1013 hPa): $78,3^{\circ}\text{C}$ - Hàm lượng nước: $\leq 0,2\%$ - Hàm lượng metanol: $\leq 0,1\%$ - Hàm lượng 2-propanol: $\leq 0,01\%$
3	Cồn công nghiệp 96%	- Độ tinh khiết: $\geq 96\%$ - Màu sắc: Không màu, trong suốt - Tỷ trọng (20°C, g/ml): $0,8-0,807$ - Cặn không bay hơi: $\leq 0.001\%$
4	Cồn công nghiệp IPA	- Công thức phân tử: $\text{C}_3\text{H}_8\text{O}$ - Độ tinh khiết: $\geq 99\%$ - Tỷ trọng: $0,786 \text{ g/cm}^3$ - Điểm sôi: 82°C - Nhiệt độ nóng chảy: -89°C - Màu sắc: Không màu, trong suốt - Dạng: lỏng - Tan trong nước: vô hạn
5	$\text{MgCl}_2.6\text{H}_2\text{O}$	- CAS: 7791-18-6 - Công thức phân tử: $\text{MgCl}_2.6\text{H}_2\text{O}$ - Độ tinh khiết: $\geq 98\%$ - Khối lượng phân tử: $203,31 \text{ g/mol}$ - Trạng thái: Rắn - Màu sắc: Màu trắng - Điểm nóng chảy: $\leq 117^{\circ}\text{C}$ - Khối lượng riêng: $\leq 1,57 \text{ g/cm}^3$
6	NH_4Cl	- CAS: 12125-02-9 - Công thức phân tử: NH_4Cl - Độ tinh khiết: $\geq 99,5\%$ - Trạng thái: Rắn (Bột kết tinh) - Màu sắc: Màu trắng - PH (50 g/l, 25°C): $4,5-5,5$ - Khối lượng riêng: $\leq 1,53 \text{ g/cm}^3$
7	2-Theynoyl trifluoro axetone	- CAS: 326-91-0 - Công thức phân tử: $\text{C}_8\text{H}_5\text{F}_3\text{O}_2\text{S}$

		- Khối lượng phân tử: 222,18 g/mol - Độ tinh khiết: $\geq 99\%$
8	Na ₂ CO ₃	- CAS: 497-19-8 - Công thức phân tử: Na₂CO₃ - Khối lượng phân tử: 105,99 g/mol - Độ tinh khiết: $\geq 99,6\%$ - Khối lượng riêng (20°C): 2,52 – 2,53 g/cm³
9	EuCl ₃ .6H ₂ O	- CAS: 13759-92-7; - Công thức phân tử: EuCl₃.6H₂O; - Khối lượng phân tử: 366,41 g/mol; - Độ tinh khiết: $\geq 99,9\%$; - Khối lượng riêng (ở 25 °C): 4,89 g/mL.
10	1.10 Phenalthroline	- CAS: 66-71-7; - Công thức phân tử: C₁₂H₈N₂; - Khối lượng phân tử: 180,21 g/mol; - Độ tinh khiết: $\geq 99\%$.
11	Nước cất 1 lần	- Độ PH: 6,0 – 8,00 - Độ dẫn điện: $\leq 4 \mu\text{S/cm}$ - Điện trở kháng: $\geq 0,25 \text{ Mohm.cm}$
12	Nước cất 2 lần	- Độ PH: 6,00 – 8,00 - Độ dẫn điện: $\leq 1 \mu\text{S/cm}$ - Điện trở kháng: $\geq 1 \text{ Mohm.cm}$ - TOC: $\leq 50 \mu\text{g/L}$ - Sodium: $\leq 5 \mu\text{g/L}$ - Chloride: $\leq 5 \mu\text{g/L}$ - Total silica: $\leq 3 \mu\text{g/L}$ - Bacteria content: $\leq 3 \text{ CFU/mLx}$
13	Pigment laser hồng ngoại	- Dạng: bột - Màu sắc: màu trắng hoặc trắng hồng - Lượng ẩm: $\leq 0,1 \%$ - Kích thước hạt trung bình $\leq 6 \mu\text{m}$ - Chiều ánh sáng laser 980nm: Phát sáng màu xanh lá cây; - Tỷ trọng: 2,07
14	Bột đá	Bột đá Morohoshi spray powder hoặc tương đương:

		- Dạng bột, màu trắng - Thành phẩm: Moisture (13%); carbonhydrate (85%); Ashcontent (2,66%)
--	--	--

1.3. Các yêu cầu khác

- Bên Bán phải có văn bản thông báo cho bên Mua thời gian dự kiến giao hàng trước thời điểm dự kiến bàn giao tối thiểu 01 ngày.

- Yêu cầu về bảo hành:

+ Thời hạn bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ khi bàn giao, nghiệm thu hàng hóa.

+ Phương thức bảo hành: Bên Bán chịu toàn bộ chi phí cho việc đổi mới, khắc phục hư hỏng, khuyết tật do lỗi của nhà sản xuất hoặc bên bán trong thời gian bảo hành. Thời gian thực hiện tối đa 5 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư.

+ Địa điểm bảo hành: tại Trung tâm Kỹ thuật tài liệu nghiệp vụ, số 145 Đường Chiến Thắng, Thanh Liệt, Hà Nội.

Mục 2. Bản vẽ

Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các bước kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa gồm:

- Bước 1: Kiểm tra xuất xứ, ký mã hiệu, năm sản xuất, quy cách đóng gói, và kiểm đếm số lượng hàng hóa;

- Bước 2: Đối chiếu thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa trên tem nhãn hoặc catalogue của hàng hóa với nội dung thông số kỹ thuật của hàng hóa trong Hợp đồng.

- Bước 3: Nếu hàng hóa đạt yêu cầu đúng theo hợp đồng quy định thì bên Mua làm các thủ tục tiếp nhận hàng, nếu hàng hoá không đảm bảo theo quy định của hợp đồng bên Mua sẽ từ chối nhận hàng, toàn bộ chi phí có liên quan do bên Bán chịu.